

Số: 2374 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của
Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2021 – 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2021 – 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Quốc gia về CPĐT (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TTTT (6).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

KẾ HOẠCH

**Chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông
giai đoạn 2021 – 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2314~~ /QĐ-BTTTT
ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Phần 1

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN, XÂY DỰNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

Bộ Thông tin và Truyền thông luôn nghiêm túc, gương mẫu, hiệu quả trong triển khai, tuân thủ các chính sách, kế hoạch và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử. Trong giai đoạn 05 năm (2015-2020), Bộ Thông tin và Truyền thông liên tục nằm trong nhóm dẫn đầu các bộ, ngành về đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin. Một số kết quả cụ thể đạt được như sau:

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Căn cứ định hướng, chủ trương và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành và triển khai thực hiện các văn bản kế hoạch, quy định, quy chế về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng, gồm:

- Quyết định số 509/QĐ-BTTTT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1629/QĐ-BTTTT ngày 20/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt bổ sung nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2287/QĐ-BTTTT ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 1319/QĐ-BTTTT ngày 10/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN của Bộ Thông tin và Truyền thông đến năm 2020;

- Quyết định số 2492/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 1238/QĐ-BTTTT ngày 25/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục các thủ tục hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai trực tuyến mức độ 3, 4 giai đoạn 2018-2020;

- Quyết định số 1766/QĐ-BTTTT ngày 07/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại của Bộ Thông tin và Truyền thông đến năm 2020;

- Quyết định số 2263/QĐ-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 2340/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 684/QĐ-BTTTT ngày 16/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định số 652/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 146/QĐ-BTTTT ngày 16/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế quản lý, cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 856/QĐ-BTTTT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 2436/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục mã định danh các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông phục vụ kết nối, trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành;

- Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế cung cấp, quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định 2256/QĐ-BTTTT ngày 22/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế tạm thời về việc tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 1330/QĐ-BTTTT ngày 03/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 2106/QĐ-BTTTT ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình nội bộ, Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 2468/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử, phiên bản 1.0;

- Chỉ thị số 07/CT-BTTTT ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 62/QĐ-BTTTT ngày 16/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 2342/QĐ-BTTTT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước, tới nay Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn thành các nội dung xây dựng cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin (bao gồm cả các quy định về an toàn thông tin).

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của toàn Bộ là 2.052 (không tính nhân sự từ các trường học, học viện và tổng công ty). Tất cả cá nhân có nhu cầu đều được trang bị máy tính để phục vụ công việc (100% được trang bị máy tính). Tổng số máy tính có kết nối Internet băng rộng là 2.385, không kết nối Internet vì lý do an ninh là 135 máy.

2. Toàn bộ 100% các đơn vị thuộc Bộ có kết nối mạng nội bộ (LAN), thống nhất về mặt cấu trúc logic, vận hành ổn định, kết nối Internet tốc độ cao. Tình hình hệ thống mạng của đa số các đơn vị tập trung làm việc tại 03 địa điểm là trụ sở Bộ, trụ sở Cục Tần số vô tuyến điện và trụ sở Cục Viễn thông như sau:

- Mạng diện rộng (WAN) của Bộ sử dụng kênh truyền cáp quang dùng riêng (có dự phòng) kết nối 03 trụ sở có tốc độ 01 Gbps và với Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Tại trụ sở Bộ đã thiết lập mạng LAN Campus (03 lớp), kết nối có dây gigabit, kết nối không dây (03 phân hệ), 250 người sử dụng. Kết nối Internet theo 06 đường của 04 nhà mạng ở chế độ peering với tổng băng thông là 1.520Mps, sử dụng dải địa chỉ IP dùng riêng. Các thiết bị mạng không dây đang được đầu tư nâng cấp, dần thay thế hệ thống mạng có dây đang xuống cấp, không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Tại trụ sở Cục Tần số vô tuyến điện và trụ sở Cục Viễn thông đã triển khai liên kết các mạng LAN riêng của các đơn vị làm việc tại đây để dùng chung đường truyền Internet, đấu nối vào mạng WAN của Bộ để định tuyến sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung và hệ thống giao ban trực tuyến.

3. Hệ thống giao ban trực tuyến hoạt động ổn định đáp ứng các cuộc họp của Bộ Thông tin và Truyền thông (giao ban, tổng kết) với các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Thông tin và Truyền thông, đạt tần suất cao nhất là 20 cuộc họp trực tuyến/01 tuần vào giai đoạn cao điểm của dịch Covid đầu năm 2020;

4. Phát triển Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ Thông tin và Truyền thông phục vụ quản lý, vận hành tập trung máy chủ, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin hiện có:

- Trung tâm dữ liệu đặt tại tầng M nhà B – trụ sở Bộ có diện tích 80m² mặt sàn, công suất lắp đặt 30 tủ rack. Các máy chủ vận hành tại đây do Trung tâm Thông tin quản lý, phục vụ các ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ, đều được thiết lập liên kết dạng nhóm (clustering) sử dụng công nghệ ảo hóa, hiệu năng vận hành cao, đặt tại các phân vùng mạng riêng phù hợp với tính chất truy nhập và đặc điểm dữ liệu; đã triển khai hệ thống quản lý, theo dõi hoạt động của máy chủ, mạng. Các đơn vị đặt máy chủ hoặc có ứng dụng triển khai trên hạ tầng tại đây gồm: Văn phòng Bộ, Trung tâm Thông tin, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ.

- Trung tâm dữ liệu do Cục Viễn thông quản lý đặt tại tầng 05 trụ sở Cục Viễn thông hiện đang đặt các thiết bị công nghệ thông tin của 05 đơn vị thuộc Bộ (gồm: Cục Viễn thông, Cục Tin học hóa, Cục An toàn thông tin, Trung tâm Internet Việt Nam, Trung tâm Chứng thực điện tử Quốc gia). Trung tâm dữ liệu tại Cục đạt tiêu chuẩn Tier 3, có diện tích gần 500m² công suất lắp đặt 165 tủ rack, sử dụng 02 kênh truyền Internet trực tiếp, tốc độ mỗi đường 300Mbps trong nước và 10Mbps quốc tế, kết nối với Trung tâm dữ liệu tại trụ sở Bộ qua đường truyền riêng MPLS của mạng WAN.

5. Đánh giá: Hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông đang dần hoàn thiện, kết nối, đồng bộ, tạo thành mạng lưới khép kín, dự phòng lẫn nhau, truyền dẫn giảm bớt phụ thuộc vào Internet. Tuy nhiên, còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Do được đầu tư theo các chương trình, kế hoạch, dự án khác nhau, thời gian triển khai kéo dài, thiếu quy hoạch thiết kế tổng thể nên rời rạc, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng còn thấp. Chưa tận dụng tối đa năng lực hạ tầng kỹ thuật sẵn có hoặc đang được đầu tư cho các nhiệm vụ cần triển khai ngay.

- Việc cấp kinh phí cho gia hạn bản quyền phần mềm (nhất là các phần mềm điều khiển, tăng cường đi theo thiết bị kỹ thuật) còn khó khăn.

- Cần thiết phải có đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ giai đoạn 2021-2025.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

1. Đã xây dựng Hệ thống chia sẻ, tích hợp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông (LGSP) đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020. Hệ thống LGSP đã giúp liên thông các hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử, văn bản điện tử, thông tin báo cáo; kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP); thiết lập các dịch vụ: xác thực, định danh tập trung (MicConnect), thanh toán trực tuyến (đã kết nối với 03 trung gian thanh toán, nền tảng thanh toán Payment Connect của Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng hỗ trợ thanh toán quốc gia PayGov).

2. Đã triển khai cơ chế đăng nhập một lần (single sign-on) và phân quyền tập trung cho các hệ thống thông tin nội bộ, dùng chung (gồm: thư điện tử, quản lý văn bản và điều hành, thông tin nội bộ, cổng thông tin điện tử, quản lý nhân sự, thông tin báo cáo) và truy nhập mạng không dây tại trụ sở Bộ.

3. Đánh giá: Việc triển khai hệ thống nền tảng tại Bộ đã giúp thực hiện liên thông, tích hợp các hệ thống, phần mềm và cơ sở dữ liệu của Bộ tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

1. Các cơ sở dữ liệu được đề xuất triển khai tại Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử phiên bản 1.0, Kế hoạch Ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020:

Tại thời điểm đề xuất vào giai đoạn 2016-2017, các cơ sở dữ liệu này hoặc chưa hình thành, hoặc đã có nhưng chủ yếu dưới dạng các tập hợp dữ liệu (chưa được số hóa, hình thành dữ liệu điện tử) hoặc cơ sở dữ liệu điện tử lưu trữ riêng lẻ tại các đơn vị. Mục tiêu đặt ra là triển khai tập trung các cơ sở dữ liệu này, tạo thành nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ hoạt động quản lý, điều hành thông suốt trong Bộ. Chi tiết gồm:

- Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Cơ sở dữ liệu hồ sơ hành chính điện tử, bao gồm: văn bản điện tử và hồ sơ thủ tục hành chính.

- Cơ sở dữ liệu về quản lý tài sản.

- Cơ sở dữ liệu thống kê, tổng hợp ngành Thông tin và Truyền thông.

- Các cơ sở dữ liệu phục vụ cho các ứng dụng dùng chung như hệ thống nội bộ, hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Cổng thông tin điện tử và Công Dịch vụ công trực tuyến sử dụng chung cho toàn bộ các đơn vị thuộc Bộ, liên thông với các hệ thống thông tin bên ngoài (thông qua các hệ thống/trục liên thông, chia sẻ tích hợp LGSP, NGSP, VDXP).

2. Các cơ sở dữ liệu dùng chung đang triển khai

Giai đoạn 2017- đến nay, thực tế triển khai các cơ sở dữ liệu dùng chung như sau:

- Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức, viên chức và người lao động: chứa 1634 bản ghi của 27 đơn vị (các Vụ, Văn phòng, Thanh tra, các Cục, các Trung tâm, các Viện); cấu trúc dữ liệu tuân thủ Danh mục chuẩn thông tin và Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã (ban hành kèm theo Quyết định số 4223/QĐ-BNV ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ); mỗi bản ghi được đồng bộ với 01 tài khoản thư điện tử, kết nối kiểm tra thông tin với Bảo hiểm xã hội. Cơ sở dữ liệu bao gồm các thông tin chung, quá trình đào tạo, bồi dưỡng, quá trình công tác, quan hệ gia đình, quá trình lương, hợp đồng, khen thưởng-kỷ luật, đoàn thể, quá trình nghỉ, đóng bảo hiểm; có thể kết xuất đầy đủ các trường thông tin theo Biểu mẫu 2C-BNV, 2C-TCTW, và HS02-VC/BNV.

- Cơ sở dữ liệu về văn bản điện tử bao gồm tất cả các sổ văn bản (thông tin văn bản và tệp đính kèm) của các đơn vị thuộc Bộ từ 01/01/2018 trở lại đây. Đối với các đơn vị đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản eOffice cũ thì toàn bộ dữ liệu từ năm 2007 đã được chuyển đổi sang cơ sở dữ liệu mới. Hiện cơ sở dữ liệu về văn bản điện tử có 1.385.245 bản ghi văn bản với tổng dung lượng là 1,32 TB. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Oracle Database (RDBMS). Việc tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về văn bản điện tử đáp ứng tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và liên thông trao đổi văn bản điện tử theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 102:2016/BTTTT.

- Cơ sở dữ liệu về hồ sơ dịch vụ công là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Công Dịch vụ công quốc gia và các công dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm: dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia về Thủ tục hành chính, Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Đất đai,... Các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác nhau được xây dựng dùng chung bao gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, dân cư, doanh nghiệp, đất đai,...., dữ liệu về việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị, dữ liệu về giấy tờ cá nhân của công dân, doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu tài chính bao gồm các dữ liệu về: tài chính, kế toán; quản lý tài sản; lập dự toán, theo dõi ngân sách; quản lý đầu tư và xây dựng. Dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2020. Việc tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đáp ứng thông tin theo mẫu biểu quy định tại các Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT, số 77/2017/TT-BTC, số 107/2017/TT-BTC, số 137/2017/TT-BTC, số 342/2017/TT-BTC, số 99/2018/TT-BTC và Nghị định số 11/2020/NĐ-CP; tiêu chuẩn và điều kiện phần mềm theo quy định hiện hành.

- Cơ sở dữ liệu về chỉ tiêu phục vụ quản lý, điều hành của ngành Thông tin và Truyền thông, gồm trên 500 chỉ tiêu theo Quyết định số 1122/QĐ-BTTTT ngày 06/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định biểu mẫu các chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Cơ sở dữ liệu do đơn vị chuyên môn triển khai:

- Vụ Công nghệ thông tin: cơ sở dữ liệu về Cổng thông tin về các Khu công nghệ thông tin tập trung;

- Vụ Khoa học và Công nghệ: cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhiệm vụ khoa học – công nghệ; cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý hệ thống phòng đo kiểm.

- Cục Báo chí: cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý phóng viên và cấp thẻ nhà báo; cơ sở dữ liệu lưu chiều điện tử (Nghị định số 08/2018/NĐ-CP về lưu chiều báo điện tử), phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Quản lý, đánh giá thông tin của báo chí.

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý phóng viên và cấp thẻ nhà báo (dùng chung với Cục Báo chí): quản lý báo nói, báo hình; cơ sở dữ liệu phục vụ rà quét bản quyền truyền hình: trung tâm đo kiểm dịch vụ phát thanh, truyền hình; cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá truyền hình: kênh nào nhiều người xem; cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin: <http://abei.gov.vn>; cơ sở dữ liệu quản lý thuê bao truyền hình (tổng hợp từ số liệu dạng excel của các đơn vị).

- Cục Viễn thông: cơ sở dữ liệu cấp phép thị trường Viễn thông: quản lý các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông.

- Cục Tần số vô tuyến điện: cơ sở dữ liệu gắn với hệ thống cấp phép sử dụng tần số điện tử: là hệ thống dịch vụ công, cho phép khách hàng đăng ký sử dụng máy phát tần số, ... Công nghệ .NET, SQL server 2012. Hệ thống gồm các thành phần chính sau: cơ sở dữ liệu phục vụ xử lý hồ sơ, giấy phép liên quan đến tần số, cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm tra, kiểm soát tần số: dữ liệu về thanh, kiểm tra vi phạm, kết quả kiểm soát phát xạ, ...

4. Đánh giá: Cơ sở dữ liệu của Bộ đã có sự phát triển, dung lượng dữ liệu ngày càng nhiều, đa dạng để phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số, điều hành bằng dữ liệu, cần thiết phải phát triển nền tảng dữ liệu thống nhất nhằm chuẩn hóa, chia sẻ dữ liệu thống nhất trong Bộ.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Hệ thống thư điện tử sử dụng sản phẩm Microsoft Exchange. Đã cấp trên 3.500 tài khoản, bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ, phục vụ công việc. Lưu lượng trung bình: tổng số thư đến từ Internet vào khoảng 15.000 thư/ngày; tổng số thư chuyển đến người dùng vào khoảng 2000 thư/ngày (sau khi được chặn, lọc thư rác).

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đến tất cả các đơn vị thuộc Bộ, đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và văn bản số 1036/BTTTT-THH, liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia. Đến thời điểm số liệu tháng 10/2020, đã có 445 chứng thư số cá nhân và 36 chứng thư số tổ chức được cấp; 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp chứng thư số đã sử dụng chữ ký số để trao đổi văn bản điện tử; 98,9% văn bản ban hành được ký số; 100% văn bản điện tử của Bộ gửi, nhận qua Trục liên thông văn bản quốc gia đã được ký số và được xác thực theo quy định. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ đã bảo đảm gửi, nhận văn bản điện tử tới 04 cấp chính quyền.

- Hệ thống thông tin nội bộ cung cấp các chức năng điều hành, hành chính nội bộ như: lịch làm việc, trang tin nội bộ, quản lý công việc và hồ sơ công việc, chia sẻ tài liệu, trao đổi thông tin theo nhóm, thông báo, đăng ký phòng họp, đăng ký xe.

- Hoàn thành xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ theo đúng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật hệ thống của Văn phòng Chính Phủ; thử nghiệm thực hiện chế độ báo cáo (giao, gửi, tổng hợp) cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin; thống nhất biểu mẫu, chỉ số, gói tin báo cáo đối với 07 chỉ tiêu tại Quyết định số 293/QĐ-TTg, thực hiện kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; thử nghiệm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Đà Nẵng.

- Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá các chỉ số phát triển ngành Thông tin và Truyền thông (Dashboard) để thu thập số liệu các chỉ tiêu của 13 lĩnh vực quản lý nhà nước về Thông tin và Truyền thông, trình chiếu trên bảng hiển thị số liệu (dashboard) phục vụ theo dõi và điều hành các chỉ tiêu của ngành. Hệ thống được sử dụng phục vụ lãnh đạo các đơn vị theo dõi sự phát triển lĩnh vực được phân công quản lý, đồng thời để báo cáo Lãnh đạo Bộ trong các buổi họp giao ban công tác quản lý nhà nước ở Bộ. Ngoài ra hệ thống cung cấp luồng quy trình thiết kế, giao và xử lý báo cáo, luồng liên thông báo cáo số liệu với các bộ, ban ngành khác.

- Thử nghiệm các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành tài chính, ngân sách của Bộ, gồm: quản lý tài chính, kế toán; quản lý tài sản, công cụ dụng cụ; quản lý thu, chi ngân sách tại 59 đơn vị kế toán thuộc Bộ.

Các chức năng chính của các giải pháp này bao gồm: lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, báo cáo tài chính nhà nước hàng năm gửi Bộ Tài chính (Kho bạc nhà nước) theo quy định Thông tư số 99/2018/TT-BTC, tổng hợp số liệu quyết toán nguồn kinh phí viện trợ, nguồn kinh phí CK gửi Bộ Tài chính, công khai quyết toán ngân sách, báo cáo tài sản công, tình hình tự chủ, báo cáo tình hình thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí. Lợi ích của hệ thống là cho phép Bộ trích xuất số liệu bất cứ lúc nào mà không cần phải chờ đến kỳ báo cáo hoặc có văn bản yêu cầu gửi các đơn vị.

- Xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ giao cho các đơn vị thuộc Bộ, với trung bình 3000 nhiệm vụ được tổng hợp hàng năm. Hệ thống hỗ trợ các đơn vị theo dõi, nắm được thông tin tiến độ, cập nhật kịp thời kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo Bộ đánh giá được chất lượng công tác của từng đơn vị để có chỉ đạo tháo gỡ, chấn chỉnh. Nhờ triển khai hệ thống này, tỷ lệ các nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn đã gia tăng đáng kể, đạt trên 90% số nhiệm vụ được giao.

2. Ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Cổng thông tin điện tử của Bộ tại địa chỉ <https://mic.gov.vn>, là đầu mối cung cấp thông tin với đầy đủ các chức năng: lấy ý kiến góp ý chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác dự kiến ban hành; cam kết bảo vệ tính riêng tư, chế độ tìm kiếm nâng cao, kết nối bảo mật; quản lý biểu mẫu điện tử, thống kê, thông báo, nhắn tin, cảnh báo qua tin nhắn; tổng hợp thông tin và tích hợp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị. Hiện tại trung bình có khoảng 58.600 lượt xem trang/ngày. Xếp hạng hạng mục Trang/Cổng thông tin điện tử của Bộ liên tục đứng thứ 2 và 3 trong các năm 2017, 2018, 2019 theo kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ từ tháng 6/2020 trở về trước được cung cấp tại địa chỉ: <https://dvc.mic.gov.vn>. Từ tháng 6/2020, 100 % dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ (tương ứng với 219 dịch vụ công) được cung cấp trực tuyến mức độ 4 tập trung trên Cổng dịch vụ công của Bộ tại địa chỉ <https://dichvucong.mic.gov.vn>, (hoàn thành chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-CP). Trong năm 2020, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến tại Bộ đạt trên 41%; số dịch vụ công có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 75, trên tổng số 115 dịch vụ công có phát sinh hồ sơ, đạt 65%. Bộ đã hoàn thành 02 thủ tục theo nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2020. Đã đưa tổng cộng 75 dịch vụ công lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (với đủ 04 chức năng: đăng nhập một lần, đồng bộ hồ sơ, xử lý hồ sơ và thanh toán trực tuyến), đạt tỷ lệ 36% (vượt mức chỉ tiêu kế hoạch là 30%). Số hồ sơ được nộp từ Cổng Dịch vụ công quốc gia: 533 hồ sơ; tổng số hồ sơ được đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2347 hồ sơ. Như vậy, Bộ đã hoàn thành các chỉ tiêu về dịch vụ công giao tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-CP.

- Triển khai hệ thống một cửa điện tử cấp Bộ tập trung trên cơ sở liên kết 03 hệ thống một cửa riêng do Trung tâm Thông tin, Cục Viễn thông và Cục Tần số vô tuyến điện chủ quản. Hệ thống một cửa cấp Bộ đáp ứng đầy đủ quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các tiêu chí thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh. Hệ thống đang tiếp tục mở rộng để đáp ứng đầy đủ điều kiện về kỹ thuật để xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử cho tất cả các đơn vị cung cấp thủ tục hành chính trong Bộ.

- Đối với kết quả thực hiện chuẩn hóa, công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính: Bộ đã thực hiện chuẩn hóa, công khai đầy đủ tất cả thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và thường xuyên rà soát, cập nhật thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ khi có Quyết định công bố mới ban hành, bảo đảm đúng quy định. Sau khi Công Dịch vụ công quốc gia vận hành chính thức vào ngày 09/12/2019, toàn bộ 251 thủ tục hành chính (207 thủ tục hành chính cấp trung ương và 44 thủ tục hành chính cấp địa phương) đều được đồng bộ, công khai đầy đủ trên Công Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn/>.

- Bộ đã tiếp nhận, xử lý 49 nội dung phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên Công Dịch vụ công Quốc gia. Trong đó đã chuyển từ chối 21 nội dung do không thuộc phạm vi, lĩnh vực mà Bộ quản lý; 06 nội dung đang trong quá trình xử lý; 22 nội dung còn lại qua đánh giá, phân loại cũng không phải là phản ánh kiến nghị liên quan đến quy định thực hiện thủ tục hành chính, Bộ cũng đã chuyển nội dung đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trả lời.

3. Các hệ thống thông tin dùng chung triển khai tại Bộ đều áp dụng cơ chế đăng nhập một lần, chạy trên hệ thống máy chủ hiệu năng cao, được giám sát an toàn thông tin liên tục, liên thông về mặt chức năng, dữ liệu, hoàn toàn có thể đáp ứng hầu hết các nhu cầu điều hành, tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong Bộ, tạo lập môi trường thông tin điện tử thống nhất.

4. Đánh giá: Các hệ thống thông tin của Bộ đã được phát triển nhanh, mức độ ứng dụng cao nhất là hai năm trở lại đây, tạo ra việc nề nếp, thói quen điều hành tác nghiệp trên môi trường điện tử. Đây là tiền đề thuận lợi cho quá trình đẩy nhanh chuyển đổi số tại Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời gian sắp tới.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tổng số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại Bộ Thông tin và Truyền thông là hơn 180, đạt tỷ lệ trung bình là 06 cán bộ/đơn vị.

2. Hàng năm, việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin được tổ chức theo các hình thức hội thảo tập trung, trực tuyến, các khóa chuyên sâu.

- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
- Đào tạo, nâng cao trình độ về ứng dụng công nghệ thông tin.
- Đào tạo về an toàn thông tin.
- Đào tạo, tập huấn về hiện đại hóa hành chính (thuộc cải cách hành chính).
- Tập huấn, diễn tập kỹ năng ứng cứu sự cố máy tính.

Ngoài ra, Bộ cũng cử nhiều đợt cán bộ tham dự các khóa học, đào tạo, tập huấn do các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước tổ chức.

Bộ đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị chuyên đề về công nghệ thông tin và an toàn thông tin để tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cán bộ và người dân, doanh nghiệp về tầm ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin đến mọi mặt đời sống và sự phát triển của xã hội.

3. Đánh giá: Phân bổ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại Bộ không đều, ngoại trừ các đơn vị có chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về công nghệ thông tin hoặc các lĩnh vực gắn với công nghệ thông tin, tại các đơn vị còn lại, đặc biệt là trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, bưu chính thường không bố trí được vị trí tại chỗ về công nghệ thông tin. Phần lớn cán bộ chuyên trách tại các đơn vị thuộc Bộ làm việc kiêm nhiệm, đầu tư thời gian và trau dồi trình độ chuyên môn công nghệ thông tin còn hạn chế. Bản thân đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ là Trung tâm Thông tin hiện chỉ có 10 cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin.

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

1. Đã thiết lập giải pháp tổng thể phòng chống virus, mã độc và giải pháp phòng chống tấn công có chủ đích (APT) tại Khối cơ quan Bộ (cho khoảng 290 máy tính); triển khai mô hình bảo vệ an toàn thông tin bốn lớp cho 81 máy chủ và đang từng bước triển khai hoàn thiện thêm cho các máy tính còn lại. Rà soát chủ động trên các máy chủ theo tháng, theo quý, phối hợp chủ động phân tích nguy cơ mất an toàn trên hệ thống.

2. Đã xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ cho 06 hệ thống, gồm: hệ thống thư điện tử; cổng thông tin điện tử; thông tin nội bộ; phân giải tên miền; quản lý văn bản; quản lý định danh. Dự kiến 04 hệ thống cấp độ 2 và 02 hệ thống cấp độ 3. Đồng thời, 06 hệ thống này đã được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT.

3. Đang phối hợp với Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện thí điểm triển khai Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), triển khai hệ thống giám sát Cục An toàn thông tin, có khả năng đáp ứng bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin theo mô hình bốn lớp:

- Lớp 1- lực lượng tại chỗ: Trung tâm Thông tin thực hiện việc đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin tại Bộ, Cục An toàn thông tin, một số đơn vị chức năng khác của Bộ phối hợp.

- Lớp 2 – sử dụng dịch vụ giám sát an toàn thông tin do đơn vị an ninh mạng của Tập đoàn Viễn thông Quân đội cung cấp.

- Lớp 3 – thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh mạng do các đơn vị an ninh mạng của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Viễn thông Quân đội và Cục An toàn thông tin đảm nhiệm.

- Lớp 4 - kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia đặt tại Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

4. Năm 2020 ghi nhận trên 100 cuộc tấn công, sự cố an toàn thông tin vào hệ thống máy chủ, máy trạm của Bộ Thông tin và truyền thông, số cảnh báo hàng tháng trung bình khoảng 5.000-8.000 lượt; đã bóc gỡ mã độc: 360 máy tính (250 máy trạm và 110 máy chủ đã được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc) được cài đặt phần mềm mã độc. Hệ thống có kết nối chia sẻ với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Đã phối hợp với Cục An toàn thông tin bóc gỡ các máy tính nhiễm mã độc trên hệ thống.

5. Về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng, đã phổ biến nâng cao kiến thức về an toàn thông tin cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động qua chuyên mục An toàn thông tin tại Cổng thông tin điện tử của Bộ và các cảnh báo trên hệ thống thông tin nội bộ. Đã tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng cho một số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, tuy nhiên chưa có đào tạo cho người sử dụng, chưa có diễn tập an toàn thông tin riêng chỉ tham gia các diễn tập do các đơn vị khác tổ chức chung cho nhiều cơ quan, đơn vị.

6. Tình hình xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố: đã có lồng ghép các quy định về ứng cứu sự cố được đưa chung vào quy chế đảm bảo an toàn thông tin đã được Bộ ban hành, tham gia hoạt động mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia.

7. Đánh giá:

- Thiết bị, phần mềm về an toàn thông tin mới đảm bảo mức cơ bản, còn thiếu các thiết bị hỗ trợ, chuyên dùng phục vụ như: thiết bị phát hiện tấn công, phần mềm hỗ trợ rà quét lỗ hổng, phân tích, điều tra. Đặc biệt một số thiết bị hiện có đã hoặc hết thời hạn hỗ trợ cập nhật của hãng không có kinh phí cập nhật, duy trì.

- Hệ thống lưu trữ và khả năng phục hồi dữ liệu còn hạn chế, thiếu các phần mềm và hệ thống sao lưu tự động, lưu trữ dữ liệu lâu dài.

- Nhân sự về an toàn thông tin còn rất mỏng, trong khi đó yêu cầu thực tế cần nhân sự cho nhiều mảng, lĩnh vực có đặc thù yêu cầu kiến thức khác nhau, khả năng ứng trực 24/7, khối lượng công việc rất lớn.

- Hệ thống ứng dụng phức tạp, tốc độ phát triển nhanh cả về số lượng ứng dụng, mức độ phức tạp ứng dụng và dữ liệu cần lưu trữ của hệ thống ứng dụng. Trong khi đó chưa có kinh phí kiểm tra đánh giá an toàn thông tin toàn diện, đánh giá định kỳ, cập nhật các bản vá an toàn thông tin v.v...

- Các quy trình tác nghiệp về an toàn thông tin chưa được xây dựng đầy đủ, chưa có khung đảm bảo an toàn thông tin tổng thể cho Bộ (Security Framework).

VIII. KINH PHÍ

Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ (Trung tâm Thông tin) giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Kinh phí chi công nghệ thông tin không thường xuyên: trung bình khoảng 2,3 tỷ/năm. Từ năm 2019 được bổ sung thêm 500 triệu chi cho bảo đảm an toàn thông tin.

- Kinh phí cho các nhiệm vụ đột xuất (chương trình mục tiêu, cơ chế một cửa): năm 2018: 3,5 tỷ; năm 2019: 2,6 tỷ.

- Chi đầu tư phát triển:

Giai đoạn 2015-2018: 40 tỷ; giai đoạn 2019-2020: 16 tỷ.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần tư.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, trong đó quy định rõ quy trình kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.

- Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2468/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử, phiên bản 1.0.

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

II. QUAN ĐIỂM

1. Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông tập trung giải quyết ba vấn đề căn bản:

- Kiểm soát việc liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các tài nguyên công nghệ thông tin trên cơ sở sử dụng các nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan.

- Dữ liệu số được liên tục cập nhật, nâng cao chất lượng khi triển khai các hệ thống thông tin, chia sẻ phục vụ ra quyết định chỉ đạo, điều hành và tạo ra các thông tin tham chiếu gốc, cung cấp cho nhiều nhóm đối tượng sử dụng thuộc lĩnh vực quản lý.

- Hình thành một không gian ứng dụng công nghệ thông tin có tính cộng tác, đơn giản, lấy người sử dụng làm trung tâm, phục vụ đầy đủ nhu cầu quản lý, thực hiện hành chính công vụ và chuyên môn, nghiệp vụ trên môi trường mạng.

2. Các chương trình, nhiệm vụ phát triển Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử.

3. Quá trình thực hiện cân đối giữa nhu cầu và khả năng thực hiện, phù hợp với các điều kiện về tổ chức, kỹ thuật và nguồn lực; có lộ trình phù hợp, trong đó ưu tiên triển khai trước những nhiệm vụ khả thi, tác động cao, đòi hỏi nguồn lực hợp lý, thời gian thực hiện ngắn.

4. Khai thác, sử dụng tối đa các dịch vụ công nghệ thông tin do các bộ, ngành khác đã triển khai, cung cấp và ưu tiên sử dụng các dịch vụ sẵn có, đã được kiểm chứng; chia sẻ các dịch vụ, dữ liệu của Bộ cho các bộ, ngành, địa phương khác.

5. An toàn thông tin là yếu tố xuyên suốt trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các tài nguyên công nghệ thông tin trong phát triển chính phủ điện tử, hướng đến chính phủ số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục thể hiện tính đổi mới, tiên phong trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đạt các mục tiêu sau:

- Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud First); phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có.

- Có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong các hoạt động quản lý nhà nước;

cung cấp dịch vụ công thuận tiện theo phương thức số (dịch vụ số), mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

- Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong Bộ.

- Thực hiện đầy đủ, thành công các nhiệm vụ, giải pháp giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin

- Từ năm 2021,

Mạng diện rộng của Bộ đáp ứng tối thiểu 60% lưu lượng truy nhập nội bộ vào các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ (giảm bớt phụ thuộc vào Internet).

- Năm 2021-2023,

Hình thành mạng lưới trung tâm dữ liệu dự phòng nhiều điểm, đáp ứng 80% nhu cầu lưu trữ, tính toán và xử lý dữ liệu của Bộ, có tính sẵn sàng, độ ổn định cao.

Thiết lập hạ tầng điện toán đám mây riêng của Bộ, chuyển đổi tài nguyên kỹ thuật (mạng, máy chủ, lưu trữ) thành các dịch vụ đám mây, sẵn sàng ghép nối với nhiều đám mây để hình thành mô hình đám mây thống nhất, linh hoạt.

Triển khai nền tảng dữ liệu theo nguyên tắc “dữ liệu chỉ từ một nguồn”, đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu cho giải quyết thủ tục hành chính và nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ phân tích, tổng hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- Từ năm 2021,

100% cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản, tài liệu điện tử.

100% chỉ số phát triển ngành Thông tin và Truyền thông được kịp thời cập nhật và trình chiếu trên bảng hiển thị số liệu (dashboard).

100% nhiệm vụ giao xuống các đơn vị thuộc Bộ được cập nhật trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ.

100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được xác nhận, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu nhân sự, kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu khi có thay đổi.

100% đơn vị thuộc Bộ (bao gồm cả các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc) sử dụng ứng dụng quản lý tài chính, kế toán; quản lý tài sản, công cụ dụng cụ; quản lý thu, chi ngân sách.

- Từ năm 2022,

90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Từ năm 2023,

100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trong hoạt động của Bộ.

Hình thành môi trường lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, phát triển dịch vụ dùng chung trong Bộ an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hàng năm tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- Từ năm 2024,

50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

100% đơn vị thuộc Bộ sử dụng ứng dụng về quản lý nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, thi đua – khen thưởng.

90% ứng dụng, phần mềm phục vụ công việc của cán bộ, công chức, viên chức Bộ Thông tin và Truyền thông được đưa lên đám mây, dưới dạng một giao diện sử dụng, tương tác duy nhất.

Từng bước hoàn thiện mô hình quản lý dữ liệu tập trung, chia sẻ liên thông trong nội bộ của Bộ và cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Từ năm 2021,

90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

80% dịch vụ công có hồ sơ nộp trong năm phát sinh hồ sơ trực tuyến.

70% hồ sơ thủ tục hành chính nộp (bao gồm trực tiếp và trực tuyến) được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Từ năm 2022,

Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử, kịp thời trao đổi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị tổ chức, cá nhân.

Hoàn thiện 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán điện tử (nếu dịch vụ cần được định danh, xác thực, thanh toán); cho phép thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử, ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc, hồ sơ yêu cầu phải đối chiếu trực tiếp, hồ sơ yêu cầu phải ký hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định khác của pháp luật; được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; được ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa trải nghiệm, mang lại sự tiện lợi cho người dùng, tự động điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã từng cung cấp trước đó.

- Từ năm 2023,

Phát triển, chuyển đổi toàn bộ dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn tại các đơn vị thuộc Bộ sang dữ liệu số.

- Từ năm 2024,

Mở dữ liệu của các đơn vị thuộc Bộ theo đúng quy định của pháp luật; làm trước đối với dữ liệu thuộc lĩnh vực viễn thông, Internet; ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ nhu cầu tra cứu, thực hiện dịch vụ công và các nhu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài Bộ.

d) Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và áp dụng khung bảo đảm an toàn thông tin tổng thể cho Bộ Thông tin và Truyền thông, tuân thủ đầy đủ tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin và công văn 1552/BTTTT-CATTT, Quyết định số 1465/QĐ-BTTTT. Khung đảm bảo an toàn thông tin Bộ Thông tin và truyền thông bao gồm: các biện pháp kỹ thuật; quy định và quy trình bảo đảm an toàn thông tin; ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; bảo đảm và nâng cao chất lượng nhân sự (để đáp ứng: hệ thống được bảo vệ theo mô hình 4 lớp; các quy trình và quy định cụ thể về an toàn thông tin đảm bảo hoạt động bảo vệ được tiến hành hiệu quả, phù hợp với các nhiệm vụ chính của Bộ; biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng phù hợp; bố trí nhân sự chuyên trách về an toàn thông tin và người sử dụng có đủ kiến thức và nhận thức về an toàn thông tin mạng).

- Tiếp tục triển khai các hoạt động thường xuyên về xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; giám sát an toàn thông tin; bảo đảm an

toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền nâng cao nhận thức; ứng cứu, khắc phục sự cố.

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông thuộc nhóm 05 bộ, ngành dẫn đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong toàn giai đoạn 2021-2025. Hình thành hệ sinh thái số trong Bộ, xây dựng thành công Bộ thông tin và Truyền thông số.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử và các văn bản hướng dẫn tuân thủ Kiến trúc trong thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

- Xây dựng, ban hành quy định mức độ tối thiểu đối với thông số kỹ thuật của thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại, yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ trong thiết kế cơ sở của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Xây dựng, ban hành quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử đúng pháp luật hiện hành về văn thư lưu trữ và chữ ký số.

- Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai tại Bộ, bảo đảm tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ kỹ thuật, dữ liệu.

- Bổ sung, sửa đổi các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin tin để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng phát triển Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử, tăng cường sự tương tác với các đối tượng tham gia hoạt động chuyển đổi số tại Bộ.

- Xây dựng, ban hành cơ chế khuyến khích thuê dịch vụ công nghệ thông tin và an toàn thông tin trong Bộ, ưu tiên thuê tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung.

- Hoàn thiện, ban hành chính thức các quy trình về thử nghiệm dịch vụ, sản phẩm công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường áp dụng cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Xây dựng, ban hành chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Xây dựng, ban hành, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng số

- Kết hợp mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà

nước, mạng diện rộng, các mạng nội bộ thành một hạ tầng mạng khép kín, dự phòng lẫn nhau dần giảm phụ thuộc vào Internet đối với truy nhập nội bộ.

- Quy hoạch các trung tâm dữ liệu thuộc Bộ, dự phòng lẫn nhau qua kênh truyền cáp quang dùng riêng, có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao, kết nối trực tiếp với hệ thống trung chuyển Internet quốc gia (VNIX), cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu của Bộ với khả năng sẵn sàng và độ ổn định cao.

- Thực hiện tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số tập trung với 02 địa điểm: trụ sở Cục Viễn thông (điểm chính) và trụ sở Bộ (điểm dự phòng); áp dụng công nghệ điện toán đám mây kết nối, quản lý các tài nguyên điện toán, tạo môi trường lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, phát triển dịch vụ công nghệ thông tin trong Bộ an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả; triển khai hệ thống dự phòng thống nhất trên cơ sở mô hình hạ tầng điện toán đám mây riêng (hệ thống Private Cloud). Sẵn sàng kết nối với đám mây của bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Xây dựng hệ thống trung tâm điều hành, quản lý mạng (NOC) giám sát giám sát mạng lưới đến từng nút mạng, lưu lượng truy xuất, truyền đưa dữ liệu và điều chỉnh các hướng kết nối ra bên ngoài; ứng dụng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) vào quản lý hạ tầng số.

3. Xây dựng, phát triển nền tảng số

- Hoàn thiện hệ thống xác thực điện tử dùng chung MicConnect và mở rộng triển khai cơ chế đăng nhập một lần cho các hệ thống thông tin tại các đơn vị thuộc Bộ; sẵn sàng liên thông với Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA).

- Xây dựng bộ công cụ ký số cho các giao dịch trên môi trường mạng.

- Mở rộng phạm vi áp dụng các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu được chia sẻ, tích hợp thông qua hệ thống LGSP, sẵn sàng kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Hoàn thiện nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Thí điểm xây dựng và triển khai tại Bộ một hệ sinh thái số và nền tảng di động cho các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chính phủ điện tử, chính phủ số.

- Thực hiện hệ thống hóa mã định danh, quản lý danh mục điện tử chung.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, cung cấp các công cụ phân tích dữ liệu trực tuyến.

- Phát triển nền tảng đám mây ứng dụng (Cloud PC) cho phép truy cập máy tính cá nhân mọi lúc mọi nơi, từ mọi thiết bị.

4. Phát triển dữ liệu

- Thiết kế kiến trúc dữ liệu tổng thể, các định dạng gói tin, danh mục chỉ mục dữ liệu và dịch vụ dữ liệu chia sẻ, bảo đảm nguyên tắc mỗi loại dữ liệu chỉ do một đầu mối cung cấp.

- Tổ chức thu thập dữ liệu, thực hiện số hóa và lập chỉ mục dữ liệu đã được số hóa, chuẩn hóa cấu trúc và chuyển đổi các dữ liệu căn bản thuộc 06 lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ thành dữ liệu điện tử.

- Thiết lập Kho dữ liệu điện tử dùng chung, phản ánh đầy đủ các nhóm dữ liệu chính (bao gồm nhưng không giới hạn): dữ liệu tham chiếu gốc (master data), dữ liệu giao dịch hay dữ liệu tương tác (transaction hay interaction data), và dữ liệu có tính chất kỹ thuật thuần túy (technical data). Chuyển đổi sang định dạng số toàn bộ dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn tại các đơn vị.

- Xây dựng Cổng dữ liệu công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, khai thác các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, thông tin, dữ liệu mở từ Cổng dữ liệu quốc gia.

- Triển khai kết nối, liên thông dữ liệu từ các hệ thống, cơ sở dữ liệu đang hoạt động (trong Bộ và ngoài Bộ) thông qua các hệ thống, nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP), của quốc gia (VDXP, NGSP).

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ

- Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ cải cách hành chính, bao gồm: quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ; quản lý, điều hành tài chính, ngân sách; quản lý tài sản; thi đua – khen thưởng; quản lý khoa học – công nghệ; hợp tác – quốc tế.

- Hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành: hợp trực tuyến; thông tin báo cáo; theo dõi nhiệm vụ; theo dõi và đánh giá các chỉ số phát triển ngành Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng hệ thống giám sát và điều hành thông minh (IOC).

- Phát triển môi trường cộng tác MyMinistry, tích hợp với hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, có chức năng quản lý công việc, hỗ trợ làm việc nhóm, làm việc từ xa trên môi trường mạng.

- Xây dựng mới, nâng cấp các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ gồm: báo chí; xuất bản; bưu chính;

tần số, viễn thông, Internet; ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin, công nghiệp thông tin và truyền thông.

- Xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

- Kết hợp Hệ thống quản lý chất lượng ISO với quy trình điện tử, số hóa.

b) Phát triển triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, triển khai đến tất cả các đơn vị có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính, liên thông với Hệ thống hải quan một cửa quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Kết nối Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử và các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ số khác của Bộ với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ số (do Cục Tin học hóa chủ trì).

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của Bộ.

- Hoàn thiện chức năng đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ công, chức năng tổng hợp tiến độ, tình hình xử lý thủ tục hành chính.

- Xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử để quản lý, lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các đơn vị thuộc Bộ.

6. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Xây dựng, ban hành, áp dụng và thường xuyên rà soát quy trình quản lý an toàn thông tin, bao gồm: chính sách quản lý kiểm soát truy nhập đi vào và từ hệ thống đi ra; sao lưu và dự phòng và khôi phục cấu hình hệ thống; quản lý, vận hành hoạt động bình thường của thiết bị tính toán, lưu trữ, thiết bị bảo vệ mạng, thiết bị lưu trữ di động, điện thoại thông minh và máy tính bảng; quy trình kết nối thiết bị đầu cuối của người sử dụng vào hệ thống mạng; truy nhập và quản lý cấu hình hệ thống; cấu hình tối ưu, tăng cường bảo mật cho thiết bị mạng, bảo mật (cứng hóa) trong hệ thống và thực hiện quy trình trước khi đưa hệ thống vào vận hành khai thác.

- Nâng cao năng lực bảo vệ hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin có trao đổi dữ liệu trên môi trường mạng; chống mã độc, tấn công có chủ đích (APT), tấn công mạng; phân tích sự cố, điều tra an toàn thông tin, lưu trữ chứng cứ; sao lưu và khôi phục dữ liệu, quản lý và giám sát truy cập, quản lý nhật ký; phòng, chống, ngăn chặn thư rác.

- Triển khai công tác giám sát an toàn thông tin mạng toàn diện cho hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống mạng để phát hiện kịp thời dấu hiệu tấn công, rủi ro và sự cố an toàn thông tin mạng; thiết lập hệ thống quản lý truy cập đến từng máy tính người sử dụng ở trong Bộ, xây dựng và áp dụng các chính sách an

toàn thông tin theo nhu cầu vị trí việc làm một cách phù hợp; kết nối Hệ thống SOC với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

- Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn hiện hành vào hoạt động của Bộ.

- Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy.

- Thúc đẩy hoạt động bảo hiểm rủi ro cho chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá an toàn với các sản phẩm trước khi đưa vào sử dụng, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Tổ chức diễn tập hàng năm về bảo đảm an toàn thông tin.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định số 1465/QĐ-BTTTT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đảm bảo khả năng sao lưu dự phòng, khôi phục dữ liệu quan trọng của Bộ trong vòng tối thiểu hai năm.

- Tăng cường nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới giúp hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí đầu tư trong bảo đảm an toàn thông tin.

- Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Hoàn thành và duy trì công tác triển khai bảo đảm an toàn thông tin của Bộ theo mô hình 04 lớp.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường, nâng cao năng lực phòng, chống mã độc.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục bổ sung, nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, quản trị sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Bộ thông qua

các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo qua việc cụ thể. Thường xuyên tổ chức đánh giá kỹ năng số.

- Có chính sách ưu đãi các cá nhân được giao nhiệm vụ về công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại các đơn vị thuộc Bộ.

V. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số rộng rãi, qua nhiều kênh truyền thông, mà chủ yếu là hệ thống công thông tin điện tử và các trang tin điện tử của các đơn vị.

- Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ với người dân, doanh nghiệp sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác).

- Đẩy mạnh truyền thông về các hệ thống, ứng dụng của Bộ có đối tượng sử dụng là tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

- Người đứng đầu tại mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng việc gắn nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin với mục tiêu chuyển đổi số, cải cách văn hóa, phương thức làm việc và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số an toàn, tích cực.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Chủ động phối hợp với doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới (như trí tuệ nhân tạo – AI, chuỗi khối – blockchain, thực tế ảo/thực tế tăng cường – VR/AR), các giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường và các phương thức mới dựa trên công nghệ số.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu của Bộ phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm chính phủ điện tử, chính phủ số ứng dụng công nghệ mới.

- Kiểm tra, đánh giá và công bố các giải pháp, sản phẩm số của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và giá trị sử dụng trong hoạt động phát triển chính phủ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ số có tiềm năng áp dụng trong triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số (như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, di động, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, ...) có sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức, viện nghiên cứu đầu ngành.

- Ứng dụng các công nghệ tự động hóa (trả lời tự động), thông minh hóa (trợ lý ảo), tối ưu hóa các quy trình xử lý, trải nghiệm người dùng trong các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành và cung cấp dịch vụ công đã triển khai.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Kiện toàn Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ theo hướng bổ sung nhiệm vụ về chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin. Có giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao về chất lượng cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Tận dụng tối đa năng lực hạ tầng kỹ thuật sẵn có của các cơ quan, đơn vị cho các nhiệm vụ cần triển khai ngay mà chưa sắp xếp được kinh phí để đẩy nhanh thời gian triển khai và nâng cao hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin chung của cả Bộ.

- Có chính sách ưu tiên cho cán bộ làm công tác chuyên trách ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc Bộ.

5. Thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác quốc tế

- Tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các Bộ, ngành, địa phương về xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số.

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số thành công tại các nước.

- Tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp chi thường xuyên, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ.

2. Từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn Chính phủ; đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin; Chính phủ điện tử; Cải cách hành chính.

3. Từ các nguồn thu hút, hỗ trợ, tài trợ và nguồn hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện tốt các nhiệm vụ của Kế hoạch, cụ thể hóa thành các đề án, dự án, công việc rõ thời gian thực hiện và kết quả đầu ra; tổ chức triển khai các biện pháp phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng việc ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và chuyển đổi số trong phạm vi tổ chức của mình.

- Báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn và yêu cầu của Trung tâm Thông tin để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; triển khai biện pháp cụ thể để thúc đẩy việc nộp hồ sơ trực tuyến và tăng tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng xử lý dịch vụ công trực tuyến (tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến) đối với các dịch vụ công thuộc thẩm quyền của mình.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin thực hiện vận hành hệ thống thông tin trên hạ tầng công nghệ thông tin, Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ.

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin được giao theo đúng quy định pháp luật và kế hoạch ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án công nghệ thông tin khác đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí; gửi đề xuất, hồ sơ dự án lấy ý kiến góp ý chủ trương đầu tư, ý kiến thẩm định dự án, dự toán của Vụ Kế hoạch – Tài chính, thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của Trung tâm Thông tin, thuyết minh và thiết kế về an toàn thông tin của Cục An toàn thông tin và các đơn vị có liên quan khác (nếu có).

2. Trung tâm Thông tin

- Chủ trì tổ chức, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm; tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục III và việc thực hiện nhiệm vụ tại Mục IV, Phần II để kịp thời báo cáo Bộ trưởng điều chỉnh nội dung của Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế; thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ.

- Đề xuất bổ sung phân công cụ thể đơn vị thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch hàng năm về chuyển đổi số của Bộ.

- Thẩm định, cho ý kiến đối với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án công nghệ thông tin thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm tra và xác định mức độ chấp hành thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của các hệ thống thông tin.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án kỹ thuật sử dụng, chia sẻ hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn thông tin.

- Quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ, bảo đảm an toàn thông tin; tổng hợp và trình Bộ trưởng phê duyệt kinh phí điều chuyển, vận hành tập trung các máy chủ, các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị tại Trung tâm dữ liệu dùng chung.

3. Vụ Kế hoạch – Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Thông tin tổng hợp, tham mưu Bộ trưởng bố trí kinh phí theo kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, trước mắt ưu tiên triển khai các dịch vụ công có thu; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành đơn giá, định mức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

4. Cục Tin học hóa

Đề xuất các biện pháp đồng bộ việc đẩy mạnh chuyển đổi số tại Bộ phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

5. Cục An toàn thông tin

- Cho ý kiến đối với thuyết minh và thiết kế về an toàn thông tin trong các dự án về công nghệ thông tin, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin tổ chức đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin cho cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Chủ trì tổ chức các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang vận hành trong Bộ; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các thiết bị kỹ thuật theo phân công của Lãnh đạo Bộ.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin trong các hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin của Bộ, hoạt động ứng cứu, xử lý sự cố, phòng chống tấn công mạng.

6. Cục Bưu điện Trung ương

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin bảo đảm hạ tầng kết nối mạng WAN, Internet băng rộng tốc độ cao và hệ thống mạng riêng ảo giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai các giải pháp tăng cường năng lực đường truyền, an ninh bảo mật và an toàn thông tin cho mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

- Hỗ trợ hoàn thiện và nâng cao chất lượng hạ tầng số của Bộ.

7. Trung tâm Internet Việt Nam

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin, Cục Bưu điện Trung ương và các đơn vị liên quan để tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, mở rộng kết nối Internet trong nước từ Bộ tới hệ thống trung chuyển Internet quốc gia (VNIX).

- Hỗ trợ về mặt kỹ thuật đối với chuyển đổi toàn bộ hệ thống mạng của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)/.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
	Dự án hạ tầng số		
1	Hệ thống thiết bị chuyển mạch, định tuyến lớp lõi, vòng MAN-Ring mạng Truyền số liệu chuyên dùng	Cục Bưu điện Trung ương	2021-2024
2	Nâng cấp, hiện đại hóa trung tâm dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật nhà trạm Cục Bưu điện Trung ương	Cục Bưu điện Trung ương	2021-2024
3	Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin mạng Truyền số liệu chuyên dùng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử	Cục Bưu điện Trung ương	2021-2023
4	Nâng cấp, phát triển hạ tầng Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ	Trung tâm Thông tin	2021-2025
	Dự án nền tảng số		
5	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Cục Tin học hóa	2021-2023
6	Xây dựng nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số	Cục Tin học hóa	2023-2025
7	Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia	Cục Tin học hóa	2024-2025
8	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở, quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Cục Tin học hóa	2021-2024
9	Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử (ID Exchange) phục vụ giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước	Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	2021-2025
10	Xây dựng nền tảng dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Thông tin	2021-2025

Dự án phát triển dữ liệu			
11	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia	Cục Tin học hóa	2021-2023
12	Tăng cường năng lực nghiên cứu và phát triển công nghệ, ứng dụng về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, phục vụ chuyển đổi số và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông	Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam	2021-2013
Dự án ứng dụng, dịch vụ			
13	Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá các chỉ số phát triển ngành thông tin và truyền thông	Văn phòng Bộ	2021-2025
14	Xây dựng Trung tâm giám sát quốc gia về Chính phủ điện tử (giai đoạn 2)	Cục Tin học hóa	2021-2023
15	Xây dựng Hệ thống quản lý kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Cục Tin học hóa	2023-2025
16	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đối với các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số	Cục Tin học hóa	2021-2024
17	Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số	Cục Tin học hóa	2021-2024
18	Hệ thống hợp trực tuyến cho cơ quan nhà nước	Cục Bưu điện Trung ương	2021-2023
19	Hoàn thiện, nâng cấp Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử dùng chung của Bộ	Trung tâm Thông tin	2021-2023
20	Phát triển môi trường cộng tác Myministry của Bộ Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Thông tin	2021-2024
Dự án an toàn thông tin			
21	Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn từ các nhà mạng viễn thông phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Cục An toàn thông tin	2021-2025
22	Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Cục An toàn thông tin	2021-2025
23	Hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Cục An toàn thông tin	2021-2025
24	Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Cục An toàn thông tin	2021-2025
25	Xây dựng Hệ thống Thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Cục An toàn thông tin	2021-2025

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ THUỘC KẾ HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
	<i>Nhóm nhiệm vụ tổ chức</i>		
1	Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số trên cơ sở kiện toàn Ban điều hành chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo	Trung tâm Thông tin	2021 – 2025
	<i>Nhóm nhiệm vụ tuyên truyền</i>		
2	Tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin, Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử, Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số, Chính phủ số, an toàn thông tin	Trung tâm Thông tin/ Cục Tin học hóa/ Cục An toàn thông tin	2021 – 2025
	<i>Nhóm nhiệm vụ duy trì, vận hành hệ thống thông tin</i>		
3	Duy trì, vận hành, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ	Trung tâm Thông tin	2021 – 2025
4	Duy trì, vận hành và phát triển các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ: hệ thống thông tin nội bộ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ	Trung tâm Thông tin	2021 – 2025
5	Duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống quản lý cán bộ, công chức và viên chức của Bộ	Trung tâm Thông tin/ Vụ Tổ chức cán bộ	2021 – 2025
6	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Trung tâm Thông tin	2021 – 2025
7	Duy trì, vận hành và phát triển các hệ thống thông tin do đơn vị quản lý	Các đơn vị quản lý hệ thống thông tin	2021 – 2025
8	Nâng cấp, duy trì và vận hành trang thông tin điện tử của Văn phòng Bộ (vanphong.mic.gov.vn)	Văn phòng Bộ	2021 – 2025
9	Nâng cấp, duy trì và vận hành hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Bộ	Văn phòng Bộ	2021 – 2025

10	Xây dựng, cập nhật và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về kiến nghị của Bộ	Văn phòng Bộ	2021 – 2025
11	Nâng cấp, duy trì, vận hành và cập nhật chuyên mục/trang chính sách pháp luật thông tin và truyền thông	Vụ Pháp chế	2021 – 2025
Nhóm nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực			
12	Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức cho Lãnh đạo đơn vị về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới Chính phủ số	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
13	Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin kỹ năng số, phân tích, xử lý dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa/ Cục An toàn thông tin/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
14	Tổ chức đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục An toàn thông tin/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
15	Tổ chức xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến phục vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý ngành cho cán bộ trong ngành Thông tin Truyền thông	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
16	Tổ chức xây dựng chương trình, giáo trình, lập kế hoạch, tổ chức triển khai các lớp đào tạo, tập huấn về quản lý cho 100% cán bộ quản lý về nhận thức, phương pháp luận quản lý và triển khai các chương trình, đề án về chuyển đổi số, Chính phủ điện tử, Chính phủ số.	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
17	Tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu và triển khai thực hiện bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, Chính phủ điện tử cho cán bộ công chức viên chức	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa/ Trường ĐTBDCB	2021 – 2025
Nhóm nhiệm vụ số hóa			
18	Cập nhật, chuyển đổi hồ sơ, tài liệu giấy liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính thành hồ sơ điện tử	Trung tâm Thông tin/ các đơn vị chủ trì cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2021 – 2025

19	Chuyển đổi số trong các hoạt động, quy trình nghiệp vụ chuyên ngành	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2021 – 2025
20	Số hóa hồ sơ, tài liệu	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	2021 – 2025
<i>Nhóm nhiệm vụ khác</i>			
21	Kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang vận hành trong Bộ	Các đơn vị quản lý hệ thống thông tin	2021 – 2025
22	Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của các đơn vị	Cục Tin học hóa/ Trung tâm Thông tin	2021 – 2025

Phụ lục 3
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số trên cơ sở kiện toàn Ban điều hành chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ và duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo	Trung tâm Thông tin	Vụ Tổ chức cán bộ/ Cục Tin học hóa
2	Tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin, Kiến trúc Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử, Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số, Chính phủ số, an toàn thông tin	Trung tâm Thông tin/ Cục Tin học hóa/ Cục An toàn thông tin	Cục Báo chí/ Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử/ Báo VietnamNet
3	Duy trì, vận hành, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Bộ	Trung tâm Thông tin	
4	Duy trì, vận hành và phát triển các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ: hệ thống thông tin nội bộ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ; LGSP	Trung tâm Thông tin	
5	Duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống quản lý cán bộ, công chức và viên chức	Trung tâm Thông tin	Vụ Tổ chức cán bộ
6	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Trung tâm Thông tin	Cục Viễn thông/ Cục Tần số vô tuyến điện
7	Duy trì, vận hành và phát triển các hệ thống thông tin do đơn vị quản lý	Các đơn vị quản lý hệ thống thông tin	
8	Nâng cấp, duy trì và vận hành trang thông tin điện tử của Văn phòng Bộ	Văn phòng Bộ	
9	Nâng cấp, duy trì và vận hành Hệ thống theo dõi nhiệm vụ	Văn phòng Bộ	
10	Xây dựng, cập nhật và duy trì Hệ thống cơ sở dữ liệu về kiến nghị	Văn phòng Bộ	

11	Cập nhật, chuyển đổi hồ sơ, tài liệu giấy liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính thành hồ sơ điện tử	Trung tâm Thông tin/ các đơn vị chủ trì cung cấp dịch vụ công trực tuyến	
12	Chuyển đổi số trong các hoạt động, quy trình nghiệp vụ chuyên ngành	Các đơn vị thuộc Bộ	
13	Số hóa hồ sơ, tài liệu	Các đơn vị thuộc Bộ	
14	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang vận hành trong Bộ	Cục An toàn thông tin/ Trung tâm Thông tin	
15	Nâng cấp, duy trì, vận hành và cập nhật chuyên mục/trang chính sách pháp luật thông tin và truyền thông	Vụ Pháp chế	Trung tâm Thông tin
	Triển khai dự án chuẩn bị đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin		
1	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Cục Tin học hóa	
2	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia	Cục Tin học hóa	
3	Xây dựng Trung tâm giám sát quốc gia về Chính phủ điện tử	Cục Tin học hóa	
4	Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử (ID Exchange) phục vụ giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước	Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	
5	Hoàn thiện, nâng cấp Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử dùng chung của Bộ	Trung tâm Thông tin	
6	Phát triển môi trường cộng tác Myministry của Bộ Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Thông tin	
7	Xây dựng nền tảng dữ liệu Bộ Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Thông tin	
8	Nâng cấp, phát triển hạ tầng Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu Bộ số	Trung tâm Thông tin	
9	Tăng cường năng lực nghiên cứu và phát triển công nghệ, ứng dụng về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, phục vụ chuyển đổi số và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông	Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam	
10	Xây dựng Hệ thống Thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Cục An toàn thông tin	

11	Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Cục An toàn thông tin	
12	Xây dựng Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Cục An toàn thông tin	